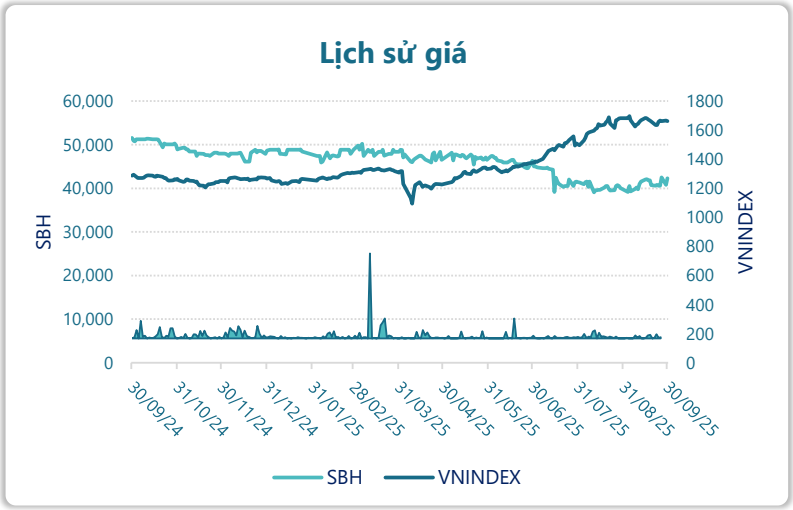
FireAnt

CTCP Thủy điện Sông Ba Hạ (UPCOM: SBH)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**42,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	51,542
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	39,070
SL cổ phiếu LH	124,225,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,265
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,255
P/E	12.3
EPS	3,436

DT thuần

Q3/25

323

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 232| 257%

YoY: ▲ 82.0| 34.1%

LN sau thuế

Q3/25

189

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 157| 495%

YoY: ▲ 64.0| 50.9%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

73.0%

+/- YoY: ▲ 15.7%

DT thuần

9T 2025

518

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 137| 35.8%

LN sau thuế

9T 2025

271

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 153| 129%

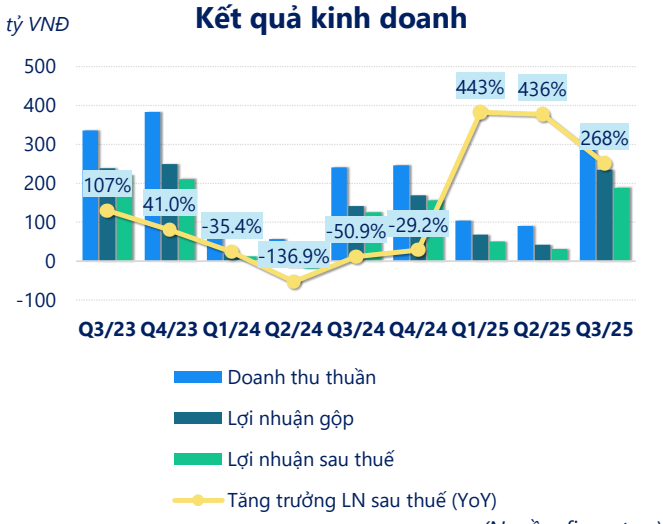
ROE

Q3/25

25.5%

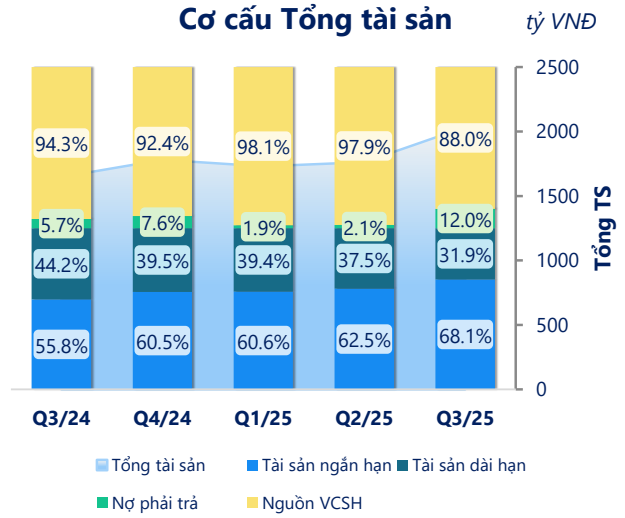
+/- YoY: ▲ 8.1%

Kết quả kinh doanh



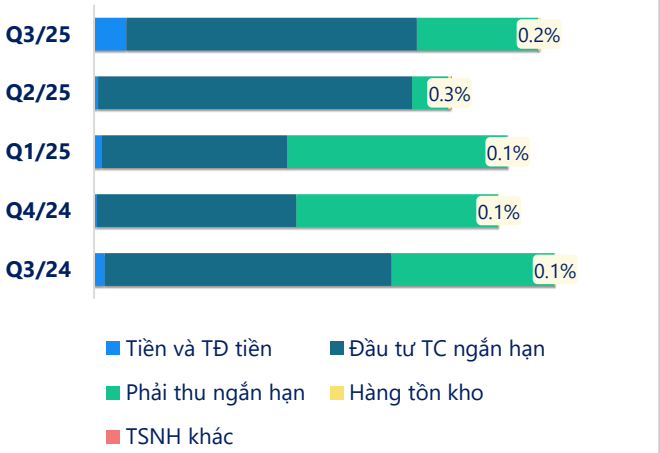
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



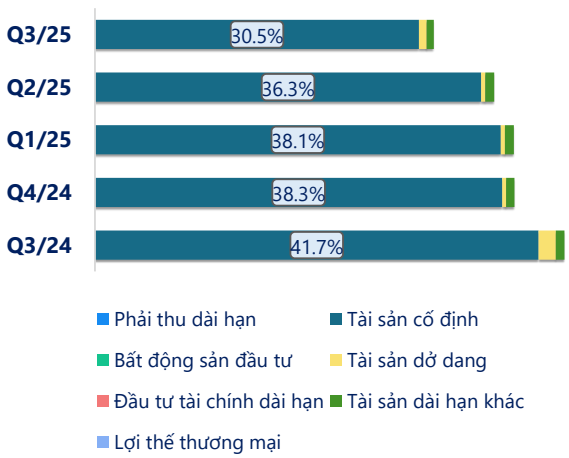
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



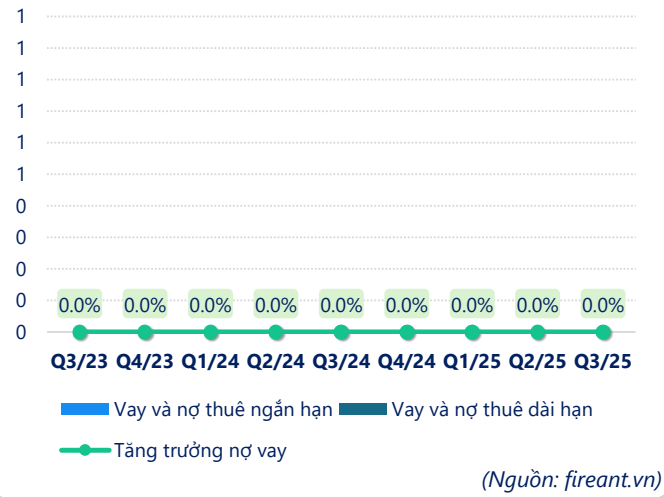
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



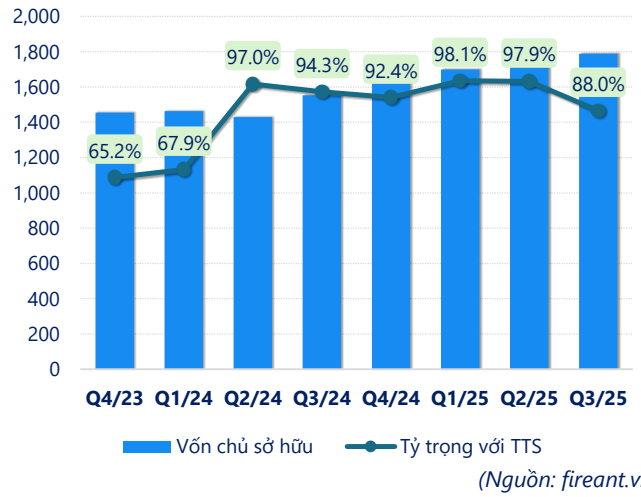
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



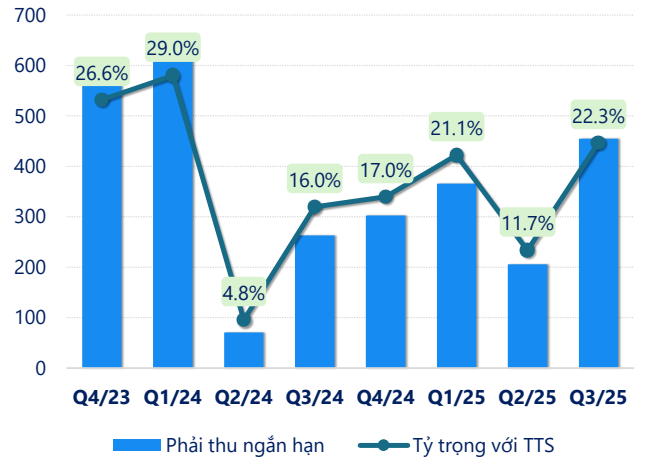
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



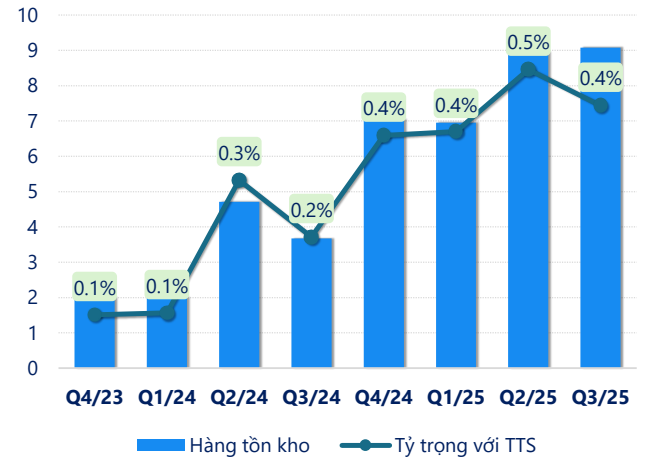
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



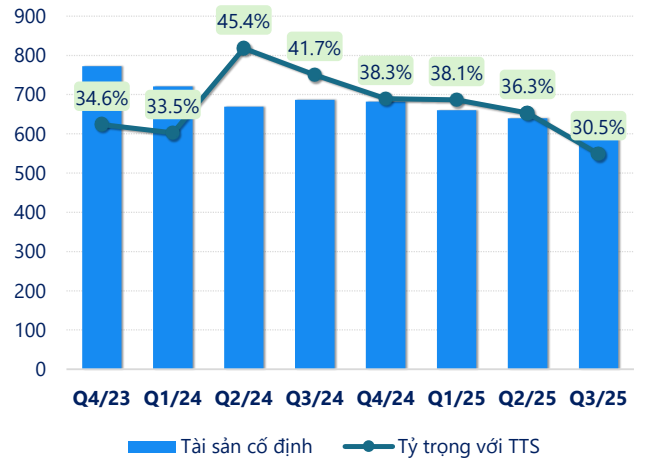
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



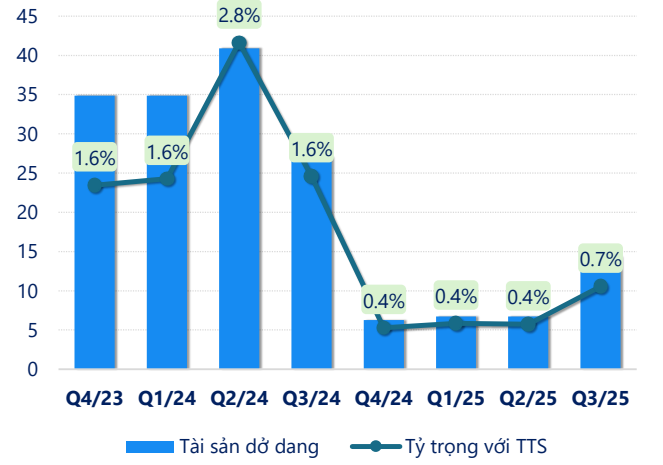
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



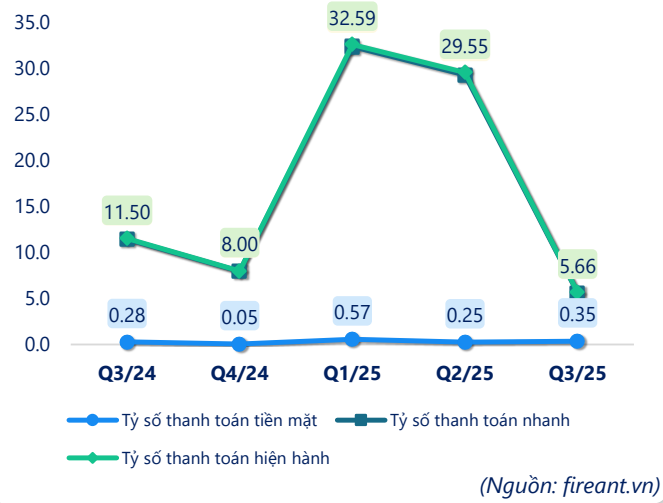
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



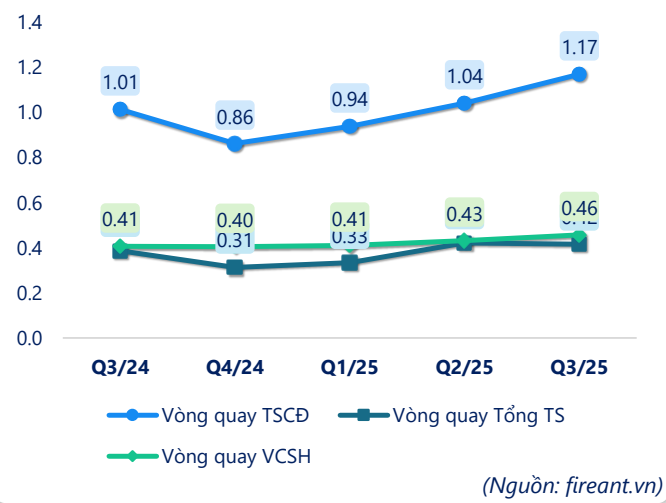
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**1,646**	**1,781**	**1,731**	**1,762**	**2,034**
Tài sản ngắn hạn	**919**	**1,078**	**1,049**	**1,101**	**1,386**
Tiền và tương đương tiền	22.7	6.94	18.2	9.40	86.1
Đầu tư tài chính ngắn hạn	630	761	657	876	836
Phải thu ngắn hạn	263	302	366	206	455
Hàng tồn kho	3.67	7.04	6.95	8.94	9.07
Tài sản ngắn hạn khác	0.03	1.16	1.08	0.69	0.36
Tài sản dài hạn	**727**	**703**	**682**	**662**	**648**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	686	682	660	640	620
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	27.0	6.27	6.74	6.74	14.3
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	13.3	14.1	15.0	14.8	13.8
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**93.4**	**135**	**32.2**	**37.3**	**245**
Nợ ngắn hạn	**79.9**	**135**	**32.2**	**37.3**	**245**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	15.6	28.8	6.56	8.05	19.2
Nợ dài hạn	13.5	0	0	0	0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,553**	**1,646**	**1,699**	**1,725**	**1,789**
Vốn chủ sở hữu	**1,553**	**1,646**	**1,699**	**1,725**	**1,789**
Vốn điều lệ	1,242	1,242	1,242	1,242	1,242
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)